

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 484/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương
(Đối với chủ đầu tư cấp tỉnh – lần 5)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2022; Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022; Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2022; Nghị quyết số 223/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021; Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022; Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao, giao bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương (Đối với chủ đầu tư cấp tỉnh);

Căn cứ Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Liên Sở Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính tại Tờ trình số 40/LS: KHĐT-TC ngày 10/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương (Đối với chủ đầu tư cấp tỉnh – lần 5)

1. Giao điều chỉnh, bổ sung hạn mức vốn các dự án đã được giao chi tiết vốn ngân sách cấp tỉnh theo Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 28/12/2021, số 150/QĐ-UBND ngày 30/3/2022, số 483/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 như sau:

1.1. Điều chỉnh tăng đối với các dự án với hạn mức vốn bổ sung là 1.046.888,392 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Điều chỉnh tăng 425.388,392 triệu đồng đối với các dự án đã được phê duyệt quyết toán, thẩm tra quyết toán, dự kiến quyết toán;

- Điều chỉnh tăng 287.500 triệu đồng đối với các dự án do điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, tăng hạn mức vốn ngân sách địa phương hỗ trợ;

- Điều chỉnh tăng 334.000 triệu đồng đối với dự án điều chỉnh tăng hạn mức ngân sách tỉnh hỗ trợ, dự án chuyển tiếp có nhu cầu bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành và các dự án thuộc danh mục khởi công mới tại Nghị quyết 154/NQ-HĐND.

1.2. Điều chỉnh giảm 157,753 triệu đồng hạn mức trung hạn của dự án đã phê duyệt quyết toán.

1.3. Điều chỉnh giảm 4.108,794 triệu đồng hạn mức trung hạn của các dự án do cập nhật giảm tổng mức đầu tư khi điều chỉnh chủ trương đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.

2. Điều chỉnh một số thông tin, số liệu của dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(Chi tiết theo phụ lục 02 đính kèm)

3. Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách cấp tỉnh cho 05 dự án được bổ sung vào danh mục dự án khởi công mới với mức vốn trung hạn là: 287.500 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 03 đính kèm)


Điều 2. Giao các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh theo chức năng phối hợp với đơn vị có liên quan hướng dẫn các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công trong việc quản lý, sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hằng năm bảo đảm theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị định, văn bản hướng dẫn của cơ quan Trung ương và quy định phân cấp của tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Ninh, các Chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *hien*

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Tân Phụng



PHỤ LỤC 01: DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH HẠN MỨC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

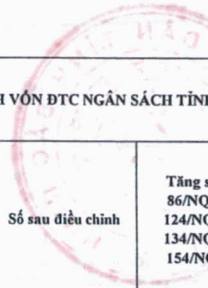
(Kèm theo Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định phê duyệt dự án		Quyết định phê duyệt quyết toán dự án		KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025				Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMDT	Số, ngày tháng	TMDT	Số, ngày tháng	Giá trị quyết toán	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Số sau điều chỉnh	Tăng so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Giảm so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	
	TỔNG CỘNG			8.359.907		8183904,683		1.641.581	1.579.260,116	2.621.881,961	1.046.888,392	4.266,547	
A	Điều chỉnh tăng hạn mức trung hạn			8.312.985		8.084.395		1.568.443	1.560.356,824	2.607.245,216	1.046.888,392	-	
A1	Điều chỉnh tăng từ nguồn dự phòng dành cho quyết toán các công trình ngân sách tỉnh quản lý			5.413.910		6.753.621		1.425.276	795.856,824	1.221.245,216	425.388,392	-	
I	Dự án đã được phê duyệt quyết toán/thẩm tra quyết toán			1.564.012		1.758.618	-	1.425.276	220.513,953	346.603,764	126.089,811	-	
a	Lĩnh vực Quốc phòng												
1	ĐTXD Doanh trại Ban CHQS huyện Lương Tài/Bộ CHQS tỉnh BN	Bộ CHQS tỉnh	QĐ số 4740/QĐ-BQP, 30/10/2018	35.000	QĐ số 4741/QĐ-BQP, 30/10/2018	35.000	3504/QĐ-BQP ngày 14/12/2022	31.173,007	-	1.586,504	1.586,504		
2	ĐTXD doanh trại cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ CHQS tỉnh	4716/QĐ-BQP ngày 05/11/2015	251.903	1285/QĐ-BQP ngày 05/4/2016	251.903	4824/QĐ-BQP ngày 17/11/202	228.777,935	10.000,000	20.570,833	10.570,833		
3	ĐTXD Doanh trại Ban CHQS huyện Tiên Du/Bộ CHQS tỉnh Bắc Ninh	Bộ CHQS tỉnh	4738/QĐ-BQP ngày 30/10/2018	35.000	4739/QĐ-BQP ngày 30/10/2018	35.000	2340/QĐ-BQP ngày 02/6/2023	30.717,376	-	217,376	217,376		
4	ĐTXD Doanh trại Ban CHQS huyện Gia Bình/Bộ CHQS tỉnh BN	Bộ CHQS tỉnh	QĐ số 4744/QĐ-BQP, 30/10/2018	35.000	QĐ số 4745/QĐ-BQP, 30/10/2018	35.000	2091/QĐ-BQP ngày 22/5/2023	30.850,695	-	2.925,348	2.925,348		
b	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội												
5	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình	Công an tỉnh	588/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	7.927	361/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	6.985	6/QĐ-STC ngày 12/01/2023	6.421,298	2.200,000	3.922,000	1.722,000		
6	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Trùng Xá, huyện Lương Tài	Công an tỉnh	Số 589/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	7.971	Số 354/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	7.607	54/QĐ-STC ngày 04/4/2023	7.468,612	4.000,000	4.968,612	968,612		
7	Trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Lai, huyện Gia Bình	Công an tỉnh	Số 585/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	7.813	Số 362/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	7.813	95/QĐ-STC ngày 30/6/2023	7.071,524	4.000,000	4.571,524	571,524		
8	trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong	Công an tỉnh	497/QĐ-UBND ngày 29/8/2019	7.998	353/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	7.442	92/QĐ-STC ngày 21/6/2023	6.463,750	2.500,000	3.963,750	1.463,750		
9	trụ sở công an và Ban chỉ huy quân sự xã Gia Đông, huyện Thuận Thành	Công an tỉnh	590/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	6.375	358/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2019	6.375	100/QĐ-STC ngày 6/7/2023	5.816,818	2.000,000	3.316,818	1.316,818		
c	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp												
10	Cải tạo, sửa chữa Khu nhà ở sinh viên, thành phố Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	500/QĐ-UBND ngày 29/8/2018	14.999	421/QĐ-KHĐT ngày 30/10/2019; 561/QĐ-SKH.KGVX ngày 31/12/2020	14.999	119/QĐ-STC ngày 14/8/2023	13.921,360	2.450,000	3.421,360	971,360		
11	ĐTXD Nhà lớp học, trường THPT Lý Thái Tổ	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019	55.000	1785/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	53.607	198/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	48.479,099	33.000,000	38.179,099	5.179,099		
12	Dự án: Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 4 tầng và công trình phụ trợ, trường THPT Lương Tài số 2	Sở giáo dục đào tạo	607/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	11.995	394/QĐ KHĐT ngày 30/10/2019	11.904	69/QĐ-STC ngày 04/5/2023	7.290,173	6.500,000	7.984,287	1.484,287		

Handwritten signature and red official stamp at the bottom of the page.

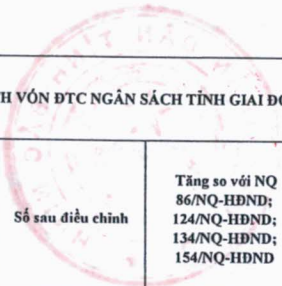
STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTBT		Quyết định phê duyệt dự án		Quyết định phê duyệt quyết toán dự án		KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025				Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMDT	Số, ngày tháng	TMDT	Số, ngày tháng	Giá trị quyết toán	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Số sau điều chỉnh	Tăng so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Giảm so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	
13	ĐT XD công trình Trường mầm non xã Đại Lai, huyện Gia Bình (giai đoạn 2)	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	301/QĐ - UBND, ngày 07/6/2019	24.816	1355/QĐ-UBND ngày 06/9/2019	24.783	1410/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	20.088,386	12.000,000	16.588,386	4.588,386		
14	Trường học liên cấp Tiểu học và THCS phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)			1940/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	119.941	1411/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	106.964	9.000,000	20.119,882	11.119,882		
d	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin												
15	Mở rộng đền thờ Lê Văn Thịnh, hạng mục đền Thượng, xã Đông Cứu, huyện Gia Bình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1761/QĐ-UBND, ngày 12/10/2018; 173/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	14.944	405/QĐ KHĐT, ngày 31/10/2018; 125/QĐ-SKHĐT QL.N, 09/6/2021	14.944	39/QĐ-STC ngày 08/03/2023	14.315,781	2.000,000	5.316,000	3.316,000		
16	Tu bổ di tích đình Trang Liệt, phường Trang Hạ, TX Từ Sơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	257/QĐ-UBND; 25/6/2020	36.223	1957/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1130/QĐ-UBND ngày 30/8/2020	36.223	152/BC-STC ngày 15/9/2023	34.976,077	18.000,000	19.989,470	1.989,470		
17	Dự án đầu tư xây dựng Bảo tàng, thư viện thị xã Từ Sơn	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	68/TTHĐND18 ngày 16/4/2018	150.476	1282/QĐ-UBND ngày 1/8/2018; 966/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; 128/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	149.639	1011/QĐ-UBND ngày 22/8/2021	126.443,953	11.135,839	29.211,397	18.075,558		
	Lĩnh vực Thể dục thể thao												
18	Khu trung tâm văn hóa thể thao xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1749/QĐ - UBND, ngày 11/10/2018	29.795	1944/QĐ UBND, ngày 29/10/2018	29.651	82/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	27.905,591	-	4.279,000	4.279,000		
e	Các hoạt động kinh tế												
e1	Công trình đô thị (Khoản 312)												
19	Công viên, hồ nước khu Thủy tổ quan họ Bắc Ninh, xã Hòa Long, TP Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	147/TTHĐND18 ngày 30/7/2018	88.987	1913/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018 (PDDA)	53.407	941/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	49.409,428	10.000,000	14.496,321	4.496,321		
e2	Lĩnh vực giao thông												
20	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp đường tỉnh 285 đoạn Đại Lai + Ngu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (lý trình Km9+00 + Km13+273)	Ban QLDA XD Giao thông	33/TTHĐND17 ngày 7/3/2016	178.280	1128/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 1928/QĐ-UBND, 18/12/2017	151.191	839/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	93.024,854	-	2.065,331	2.065,331		
21	Dự án ĐT XD đường giao thông từ đường dẫn cầu Bình Than đi xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	668/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	52.210	1792/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	42.589	1463/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	25.115,404	6.600,000	8.453,456	1.853,456		
22	Cải tạo nâng cấp tuyến đường liên xã Quỳnh Phú đi Đại Bái (đoạn từ trạm bơm Quỳnh bội xã Quỳnh phú đi Đoàn Bái xã Đại Bái)	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1946/QĐ UBND, ngày 29/10/2018	17.979	2445/QĐ UBND, ngày 28/12/2018	16.913	73/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	14.457,355	5.771,000	7.458,000	1.687,000		
23	Đường đầu nối trục chính đô thị từ xã Phương Mao sang KCN Quế Võ I, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (giai đoạn II)	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	323/QĐ-UBND ngày 20/3/2018	22.727	1162/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	22.104	970/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	19.583,150	-	2.102,896	2.102,896		
24	Đường ĐT1 - Khu đô thị mới huyện Tiên Du	UBND huyện Tiên Du (Ban QLDA)			1669/QĐ-UBND ngày 18/11/2008	43.496	908/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	32.900,507	-	5.490,058	5.490,058		
25	Cải tạo nâng cấp đường Ngô Xá - Phú Cẩm đoạn qua thôn Ấp Đôn, xã Yên Trung, huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	264/TTHĐND17 ngày 02/12/2015	115.813	239, 07/3/2016; 2117/QĐ-UBND ngày 14/11/2018	85.854	163/BC-STC ngày 27/9/2023	60.578,723	8.000,000	8.150,027	150,027		



STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định phê duyệt dự án		Quyết định phê duyệt quyết toán dự án		KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025				Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMBT	Số, ngày tháng	TMBT	Số, ngày tháng	Giá trị quyết toán	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Số sau điều chỉnh	Tăng so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Giảm so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	
26	Xây dựng mới đường nối từ TL.278 mới vào khu vực Chùa Dạm (đoạn 600m nối từ TL 278 cũ vào TL 278 mới)	UBND TP Bắc Ninh (Ban QLDA)	1455/QĐ-UBND ngày 16/10/2017; 71/QĐ-UBND ngày 10/02/2022	36.669	1523/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017; 240/QĐ-UBND ngày 10/3/2022	31.436	229/QĐ-UBND ngày 09/3/2023	23.364,749	2.300,000	4.713,000	2.413,000		Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có), ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư dự án
c3	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản												
27	Trạm bơm tưới Vạn Ninh, huyện Gia Bình	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	176/TTHĐND18 ngày 28/8/2018	90.239	1838/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	90.239	1719/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	86.758,723	8.656,000	20.278,000	11.622,000		
28	Kê Việt Thống đoạn từ K64+900 – K66+500	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1402/QĐ-UBND ngày 17/9/2019	60.000	1736/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019	59.581	921/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	41.735,721	15.000,000	17.589,164	2.589,164		
29	Xây dựng cống và cầu trên kênh nối giữa trạm bơm Kim Đôi 1 và trạm bơm Kim Đôi 2	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			1610/QĐ-UBND, ngày 06/11/2017	64.864		-		3.945,253	3.945,253		
30	Nạo vét sông Thứa	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1119/QĐ-UBND ngày 25/7/2019	15.000	382/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2019	14.217	166/QĐ-STC ngày 27/9/2023	12.619,670	7.000,000	7.648,333	648,333		
31	Mở rộng mặt đê kết hợp giao thông tỉnh lộ 276 đoạn từ K25+700 đến K27+500 đê tả Đuông, huyện Tiên Du	Chi cục thủy lợi	806/QĐ-UBND ngày 28/5/2019	45.000	1753/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	45.000	821/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	35.929,008	20.755,114	25.929,009	5.173,895		
32	Xử lý khẩn cấp công trình kênh tiêu từ bể hút trạm bơm Trịnh Xá đến điều tiết T12 và nạo vét kênh tiêu 6 xã	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Đuông			225/QĐ-SNN ngày 27/05/2016	11.956	73/QĐ-STC ngày 12/5/2023	7.290,173	-	340,306	340,306		
33	Xây dựng hạ tầng sản xuất nông nghiệp đất bãi ven sông (giai đoạn 2)	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)			1982/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	69.925	891/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	66.790,544	450,000	1.809,728	1.359,728		
g	Lĩnh vực trụ sở cơ quan nhà nước												
34	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Trung tâm kỹ thuật - công nghệ thông tin tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và môi trường	498/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	14.999	350/QĐ-SKHĐT.QLN ngày 30/12/2021; 151/QĐ-SKHĐT.QLN ngày 01/8/2022	14.801,716	120/QĐ-STC ngày 14/8/2023	13.753,343	12.000,000	13.753,344	1.753,344		
35	Dự án: Đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Bắc Ninh	Thanh tra tỉnh	453/QĐ-UBND ngày 30/9/2020	12.873	128/QĐ-SKHĐT.ĐTG ngày 16/6/2021	12.228	90/QĐ-STC ngày 15/6/2023	11.486,074	5.196,000	8.565,257	3.369,257		
36	xây dựng mới trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh	Tòa án nhân dân tỉnh	646/QĐ-TANDTC-KHTC	80.000	709/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 31/10/2016	80.000	608/-TANDTC-KHTC ngày 20/12/2022	75.333,058	-	2.684,636	2.684,636		
II	Dự án dự kiến quyết toán			3.849.898	0	4.995.004	-	-	575.342,872	874.641,453	299.298,581		
a	Lĩnh vực Quốc phòng												
1	Công trình đường hầm Sở chỉ huy thống nhất tỉnh Bắc ninh (mặt danh: ĐH-01)	Bộ CHQS tỉnh	119/TTHĐND17 ngày 14/7/2015; 31/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	108.431	1736/QĐ-UBND; 31/12/2015; 1643/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	107.810			21.500,000	37.645,497	16.145,497		
2	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp												
3	Nhà điều hành và học thực hành Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	1948/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	60.986	1948/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	60.986			36.000,000	48.501,000	12.501,000		

STT	Dự án	Số, ngày tháng	TMDT	Quyết định phê duyệt dự án		Quyết định phê duyệt quyết toán dự án		KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025				Ghi chú
				Số, ngày tháng	TMDT	Số, ngày tháng	Giá trị quyết toán	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Số sau điều chỉnh	Tăng so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Giảm so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	
4	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Tiên Du số 1	Sở giáo dục đào tạo	609/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	7.999	388/QĐ KHĐT ngày 30/10/2019	7.999		2.000,000	4.615,541	2.615,541		
5	Đầu tư xây dựng Trường THPT Lý Nhân Tông	Sở giáo dục đào tạo	608/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	13.997	396/QĐ KHĐT ngày 30/10/2019	13.863		9.000,000	9.465,798	465,798		
6	Cụm Mầm non tập trung số 2 xã Bình Định	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	61/TT HĐND18 ngày 05/4/2018	53.387	1755/QĐ-UBND, ngày 11/10/2018	52.279		14.500,000	18.345,000	3.845,000		
b Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình												
7	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	201/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	84.714	1782/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	84.401		47.334,600	57.334,600	10.000,000		
c Lĩnh vực Văn hóa, thông tin												
8	Trung tâm bảo tồn tranh dân gian Đông Hồ, huyện Thuận Thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	115/TTHĐND; 25/6/2018; 30/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	95.147	1162/QĐ-UBND; 03/11/2014; 1972/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	91.032		15.000,000	22.952,354	7.952,354		
9	Tu bổ, tôn tạo chùa Linh Ứng, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	553/QĐ-UBND, ngày 13/9/2019; 408/QĐ-UBND ngày 0/11/2021	29.999	1741/QĐ UBND, ngày 30/10/2019; 1484/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	29.980		17.000,000	22.479,996	5.479,996		
10	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Lũng Khê	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	554/QĐ-UBND, ngày 13/9/2019	14.934	426/QĐ-KHĐT ngày 31/10/2019; 283/QĐ-SKHĐT.QLN ngày 22/10/2021	14.934		8.000,000	9.847,690	1.847,690		
11	Công viên Thị xã Từ Sơn	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	201/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	96.000	1743/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	73.396		25.000,000	30.313,932	5.313,932		
d Lĩnh vực Thể dục thể thao												
12	Cải tạo nhà thi đấu đa năng tỉnh Bắc Ninh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1627/QĐ-UBND; 21/9/2018; 172/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	14.906	413/QĐ KHĐT ngày 31/10/2018; 127/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	14.588		1.000,000	5.896,873	4.896,873		
e Lĩnh vực Môi trường												
13	Xử lý ô nhiễm môi trường xã Tri Phương Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số: 86/QĐ-SXD ngày 30/3/2016	14.988		-	1.752,257	1.752,257		
g Các hoạt động kinh tế												
g1 Công trình đô thị (Khoản 312)												
14	Đài tưởng niệm, quảng trường, khu công viên cây xanh hồ nước thị trấn Phố Mới	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)			số 1266/QĐ-CT ngày 30/7/2004	13.620		-	500,962	500,962		
15	Hệ thống đèn chiếu sáng tuyến phố chính huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019	62.716	998/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	45.766		25.000,000	26.135,164	1.135,164		
g2 Lĩnh vực giao thông												
16	Nút giao hoàn chỉnh nối QL18 với KCN Yên Phong	Ban QLDAXD Giao thông	245/TTHĐND17 ngày 20/11/2015	283.907	1425/QĐ ngày 24/11/2015; 2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	244.447		12.000,000	24.400,000	12.400,000		
17	ĐT 279 Nội Dời Phố Mới	Ban QLDAXD Giao thông	1206/UB-ngày 20/5/2015	206.297	806/QĐ-UBND ngày 29/7/2015	169.497		1.500,000	11.837,000	10.337,000		
18	Đường tỉnh 279 (Phố mới-Chi)	Ban QLDAXD Giao thông	1290/QĐ ngày 12/12/2014	242.118	1290/QĐ ngày 12/12/2014	242.118		-	5.900,000	5.900,000		

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTBT		Quyết định phê duyệt dự án		Quyết định phê duyệt quyết toán dự án		KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025			Ghi chú	
			Số, ngày tháng	TMDT	Số, ngày tháng	TMDT	Số, ngày tháng	Giá trị quyết toán	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Số sau điều chỉnh	Tăng so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND		Giảm so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND
19	ĐT 276 Chờ - Thị trấn Lim	Ban QLDAXD Giao thông	245/TTHĐND17 ngày 30/10/2015	391.472	1284/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 1929/QĐ-UBND ngày 18/12/2017	391.472			-	13.800,000	13.800,000		
20	Đường dẫn phía Nam cầu Phật Tích Đại Đồng Thành	Ban QLDAXD Giao thông	143/TTHĐND18 ngày 29/7/16	174.859	945/QĐ ngày 08/08/2016	174.859			-	5.000,000	5.000,000		
21	Đường gom QL 18, giai đoạn 3 (bên trái tuyến), huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	106/TTHĐND17 ngày 2/6/16; 42/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	79.947	976/QĐ-UBND ngày 16/8/2016; 1134 ngày 12/7/2018; ; 1240/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	79.483			2.100,000	5.900,000	3.800,000		
22	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, mở rộng và nâng cấp cầu Bồ Sơn, nút giao giữa QL.38 với QL.1A, thành phố Bắc Ninh	Ban QLDAXD Giao thông	131/NQ-HĐND ngày 3/10/18	128.039	1966/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	127.824			5.000,000	28.700,000	23.700,000		
23	Đầu tư xây dựng đường nối TL 295 với cầu Đông Xuyên	Ban QLDAXD Giao thông	1576/QĐ-UBND ngày 13/9/2020 (QĐĐC)	103.686	1576/QĐ-UBND ngày 13/9/2020 (QĐĐC)	103.686			5.000,000	9.000,000	4.000,000		
24	Đường dẫn phía Bắc từ ĐT.276 đến cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành, địa phận huyện Tiên Du	Ban QLDAXD Giao thông	142/NQ-HĐND18 ngày 29/7/2016; 196/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	214.046	954/QĐ ngày 9/8/2016; 517/QĐ-UBND ngày 01/4/2019; 2100/QĐ ngày 23/12/2019; 1298/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	214.046			20.000,000	24.000,000	4.000,000		
25	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Xuân Lai đi Song Giang (Đoạn QL17 đi về Đại Hà)	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	1642/QĐ-UBND ngày 17/10/2019	19.986	1814/QĐ UBND, ngày 31/10/2019	19.168			12.000,000	14.540,000	2.540,000		
26	Đầu tư xây dựng Đường trục trung tâm đô thị Nhân Thắng, huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	Nghị quyết 268a/TT-HĐND18 ngày 23/10/2017	154.650	325/QĐ-UBND, ngày 20/3/2018	153.308			21.550,000	31.476,000	9.926,000		
27	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường TL.285 cũ (đoạn từ Phương Triển xã Đại Lai đi Nhân Hữu, xã Nhân Thắng) huyện Gia Bình	UBND huyện Gia Bình (Ban QLDA)	195/QĐ-UBND ngày 16/8/2017	137.843	1561/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	126.809			10.000,000	15.618,000	5.618,000		
28	Cải tạo nâng cấp TL 285 đoạn Tảo Đôi An Mỹ	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)			1240/QĐ-UBND ngày 11/9/2017	60.843			-	5.317,000	5.317,000		
29	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 281 đoạn từ nút giao kim đảo đi qua Bình Định Quảng Phú	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)			1725/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	51.633			-	2.000,000	2.000,000		
30	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên huyện từ TL 281 về Hữu Đuống	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)			53/QĐ-UBND ngày 15/01/2016; 659/QĐ-UBND ngày 09/5/2018	158.507			-	9.105,000	9.105,000		
31	Cải tạo nâng cấp đường huyện từ TL 280 cầu Phú Lâu xã Phú Lương huyện LT	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)			474/QĐ-UBND Ngày 28/04/2016	73.444			-	3.097,000	3.097,000		
32	Dự án ĐTXD đường vào khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung huyện Lương Tài (Từ TL281,KM19+400 thôn Ngọc Thượng đi cầu Phương Đố)	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	NQ 131/NQ-HĐND ngày 03/10/2018	157.575	1907/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	147.308			25.000,000	27.969,888	2.969,888		
33	Cải tạo nâng cấp đường huyện ĐH11 (đoạn từ cầu Tảo Đôi đi TL284 mới), huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	649/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	59.052	1732/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	58.067			22.000,000	26.200,000	4.200,000		
34	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp TL.280 (đoạn từ thị trấn Thứa đi QL.38), huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	NQ 201/NQ-HĐND ngày 11/07/2019	115.457	1727/QĐ UBND, ngày 30/10/2019	114.334			54.000,000	59.299,000	5.299,000		



STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTBT		Quyết định phê duyệt dự án		Quyết định phê duyệt quyết toán dự án		KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025			Ghi chú	
			Số, ngày tháng	TMDT	Số, ngày tháng	TMDT	Số, ngày tháng	Giá trị quyết toán	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Số sau điều chỉnh	Tăng so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND		Giảm so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND
49	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Tiếp công dân tỉnh Bắc Ninh	Ban Tiếp công dân tỉnh	255/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	7.000	313/QĐ-SKHĐT.ĐTG ngày 19/11/2021	6.984			6.000,000	6.800,000	800,000		
50	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bình Định, huyện Lương Tài	UBND huyện Lương Tài (Ban QLDA)	494/QĐ-UBND ngày 12/4/2018	14.964	311/QĐ-SKHĐT-ĐTG ngày 06/9/2018	14.964			-	2.500,000	2.500,000		
A2	Điều chỉnh tăng từ nguồn dự phòng chung (Điều chỉnh tăng hạn mức trung hạn do điều chỉnh tăng TMĐT, tăng hạn mức vốn NSDP hỗ trợ)			922.039					134.500,000	422.000,000	287.500,000	-	
a	Các hoạt động kinh tế												
a1	Lĩnh vực giao thông												
1	Dự án đầu tư xây dựng đường TL.282B đoạn qua huyện Thuận Thành từ QL.38 đi TL.283	UBND huyện Thuận Thành (Ban QLDA)	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019; 203/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	385.039					82.000,000	217.000,000	135.000,000		
a2	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản												
2	Dự án thành phần số 3: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống Bắc Hưng Hải giai đoạn 2, tỉnh Bắc Ninh"	Sở Nông nghiệp và PTNT	3267/QĐ-BNN-KH ngày 22/7/2021; 4766/QĐ-BNN-KH ngày 08/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	537.000					52.500,000	205.000,000	152.500,000	Điều chỉnh tên dự án (Tên dự án cũ: Trạm bơm Ngo Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh)	
A3	Điều chỉnh tăng từ nguồn bổ sung trung hạn (lần 4)			1.977.036		1.330.774		143.167	630.000,000	964.000,000	334.000,000	-	
1	Điều chỉnh tăng hạn mức trung hạn do tăng hạn mức vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ			531.402					100.000,000	150.000,000	50.000,000	-	
a	Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình												
1	Dự án ĐTXD Trung tâm y tế và nhà tang lễ thị xã Từ Sơn	UBND thành phố Từ Sơn (Ban QLDA)	62/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	531.402					100.000,000	150.000,000	50.000,000	Phần còn lại là ngân sách địa phương.	
II	Điều chỉnh tăng hạn mức trung hạn để thanh toán khối lượng hoàn thành			284.277		427.687		143.167,000	158.000,000	210.500,000	52.500,000	-	
a	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin												
1	Đền Thờ Nguyễn Cao tại xã Cách Bi huyện Quế Võ	UBND huyện Quế Võ (Ban QLDA)			211/NQ-HĐND ngày 29/10/2019	143.409		1799/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	143.167	70.000,000	90.000,000	20.000,000	
b	Lĩnh vực Thể dục thể thao												
2	Trung tâm đào tạo và thi đấu bóng chuyền tỉnh Bắc Ninh	Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị	246/TTHĐND18 ngày 5/10/2017; 211/NQ-HĐND ngày 29/10/2019	105.326	1560/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 357/QĐ-UBND ngày 20/3/2020; 1127/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	105.326			53.000,000	68.000,000	15.000,000		
c	Các hoạt động kinh tế												
c1	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản												

STT	Dự án	Ban QLDA Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTBT		Quyết định phê duyệt dự án		Quyết định phê duyệt quyết toán dự án		KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025				Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMDT	Số, ngày tháng	TMDT	Số, ngày tháng	Giá trị quyết toán	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Số sau điều chỉnh	Tăng so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Giảm so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	
3	Cải tạo, kiên cố hóa hệ thống kênh sau cống qua đê trạm bơm Phú Mỹ, huyện Thuận Thành	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1822/QĐ-UBND ngày 18/10/2018; 444/QĐ-UBND ngày 16/11/2021; 462/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 (vb số 3447/UBND-NN ngày 23/11/2022 đính chính QĐ 462)	59.558	1871/QĐ-UBND, ngày 25/10/2018; 555/QĐ-UBND ngày 23/6/2022; 1396/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	59.559			20.000,000	34.500,000	14.500,000		
d	Lĩnh vực trụ sở cơ quan nhà nước												
4	Xây dựng hội trường trung tâm huyện Yên Phong	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	106/TT HĐND 18 ngày 05/5/2017	119.393	1540/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017; 1221/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	119.393			15.000,000	18.000,000	3.000,000		
III	Điều chỉnh tăng hạn mức trung hạn các dự án khởi công mới tại Nghị quyết 154/NQ-HĐND ngày 27/10/2023			1.161.357		903.087			372.000,000	603.500,000	231.500,000		
a	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp												
1	ĐA ĐTXD mở rộng trường THPT Lê Văn Thịnh	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	273/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	74.000	1501/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	73.834			24.000,000	54.000,000	30.000,000		
2	Dự án ĐTXD trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp	201/NQ-HĐND ngày 11/7/2019; 200/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	190.777	1783/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 909/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	190.777			63.000,000	93.500,000	30.500,000		
b	Các hoạt động kinh tế												
b1	Lĩnh vực giao thông												
3	Dự án đầu tư xây dựng ĐT.285 đoạn Ngụ, huyện Gia Bình đi Phú Hòa, huyện Lương Tài	Ban QLDAXD Giao thông	Phụ lục 01 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019	124.506	1657/QĐ ngày 21/10/2019	116.597			38.000,000	85.000,000	47.000,000		
4	Dự án ĐTXD đường TL.287 đoạn từ nút giao đường dẫn phía Bắc cầu Phạt Tích - Đại Đồng Thành đến nút giao QL.38 mới (Lý trình Km8+650 + Km13+650), huyện Tiên Du	Ban QLDAXD Giao thông	Phụ lục 02 - Nghị quyết 201/NQ - HĐND, ngày 11/7/2019	450.075	1737/QĐ ngày 30/10/2019	430.518			142.000,000	212.000,000	70.000,000		
5	Dự án ĐTXD đường TL.277 đoạn từ nút giao TL.277 mới với đường TL.286 đi Đền thờ Lý Thường Kiệt (giai đoạn 1). Đoạn từ đền thờ Lý Thường Kiệt đến đường TL.285B, tỉnh Bắc Ninh.	UBND huyện Yên Phong (Ban QLDA)	211/NQ - HĐND, ngày 29/10/2019	95.396	Số 1306/QĐ-UBND ngày 18/9/2020	91.362			30.000,000	45.000,000	15.000,000		
b2	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản												
6	Cải tạo, nạo vét kênh tiêu Nội Trung đến trạm bơm Nghĩa Đạo, huyện Thuận Thành	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	279/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	126.778					42.000,000	64.000,000	22.000,000		
b3	Lĩnh vực cấp nước thoát nước												
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình đảm bảo an ninh nguồn nước thô của các trạm cấp nước sạch do Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Ninh quản lý;	Trung tâm Nước sạch và VSMTNT Bắc Ninh	87/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	99.826					33.000,000	50.000,000	17.000,000		
B	Điều chỉnh giảm hạn mức trung hạn các dự án đã hoàn thành			46.921		99.510		73.138	18.903,292	14.636,745	-	4.266,547	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt CTĐT		Quyết định phê duyệt dự án		Quyết định phê duyệt quyết toán dự án		KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025				Ghi chú
			Số, ngày tháng	TMBT	Số, ngày tháng	TMBT	Số, ngày tháng	Giá trị quyết toán	Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Số sau điều chỉnh	Tăng so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	Giảm so với NQ 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND	
I	Dự án đã phê duyệt, thẩm tra quyết toán			38.612		91.236		73.138	6.903,292	6.745,539	-	157,753	
a	Lĩnh vực Môi trường												
1	Xử lý ô nhiễm môi trường xã Tri Phương (giai đoạn 3)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1412/QĐ-UBND ngày 11/10/2017	7.612	421/QĐ KH.KTN, ngày 31/10/2018	7.612		5.297,366	220,756	202,756		18,000	
b	Các hoạt động kinh tế												
b1	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản												
2	Dự án cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Ao Quan, kênh Cống Đá TX Từ Sơn	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1157/QĐ-UBND ngày 25/8/2017	31.000	1555/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	29.988	333/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	27.360,196	3.435,777	3.361,197		74,580	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê bồi Song Giang - Giang Sơn, làm đường hộ đê kết hợp giao thông nông thôn	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số: 1149/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	53.636	332/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	40.480,358	3.246,759	3.181,586		65,173	
II	Dự án điều chỉnh giảm do cập nhật Quyết định phê duyệt BC KTKT			8.309		8.274			12.000,000	7.891,206	-	4.108,794	
a	Các hoạt động kinh tế												
a1	Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản												
1	Dự án Đường lâm nghiệp và nhà trục gác rừng tại phường Nam Sơn và phường Văn Dương, TP Bắc Ninh	Chi cục Kiểm lâm	2170/QĐ - UBND, ngày 31/12/2019; 1877/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; 117/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	8.309	172/QĐ-KHĐT.QLN ngày 07/9/2023	8.274			12.000,000	7.891,206		4.108,794	

Ghi chú: Hạn mức vốn trung hạn còn thiếu so với tổng mức đầu tư dự án được bổ từ nguồn dự phòng trung hạn hoặc điều chỉnh từ các dự án nhiệm vụ chi khác không có khả năng triển khai, đảm bảo đáp ứng tiến độ đầu tư dự án



PHỤ LỤC 02: DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN, SỐ LIỆU DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Thông tin, số liệu của dự án tại Nghị quyết 86/NQ-HĐND; 124/NQ-HĐND; 134/NQ-HĐND; 154/NQ-HĐND			Thông tin, số liệu của dự án sau điều chỉnh			Ghi chú
	Tên dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT	Ngành, lĩnh vực	Tên dự án	Quyết định phê duyệt CTĐT	Ngành, lĩnh vực	
1	Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp ĐT.284, đoạn từ Lãng Ngâm – Thị trấn Thứa, huyện Gia Bình – Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh giai đoạn I: Đoạn từ Km2+700 đến Km10+350	274/TT-HĐND 18 ngày 27/10/2017		Dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp đường TL.284 đoạn từ Lãng Ngâm – Thị trấn Thứa, huyện Gia Bình và Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	274/TT-HĐND 18 ngày 27/10/2017; 217/NQ-HĐND ngày 07/7/2023		Điều chỉnh tên dự án, cập nhật QĐ phê duyệt CTĐT
2	Trạm bơm Ngọ Xá, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	3267/QĐ-BNN-KH ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT		Dự án thành phần số 3: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống Bắc Hưng Hải giai đoạn 2, tỉnh Bắc Ninh	3267/QĐ-BNN-KH ngày 22/7/2021; 4766/QĐ-BNN-KH ngày 08/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT		Điều chỉnh tên dự án, cập nhật QĐ phê duyệt CTĐT
3	Hệ thống đèn chiếu sáng tuyến phố chính huyện Quế Võ		Các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực Giao thông	Hệ thống đèn chiếu sáng tuyến phố chính huyện Quế Võ		Các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực công trình đô thị (Khoản 312)	Điều chỉnh ngành, lĩnh vực
4	Khu trung tâm văn hóa thể thao xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình		Lĩnh vực Văn hóa, thông tin	Khu trung tâm văn hóa thể thao xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình		Lĩnh vực Thể dục thể thao	Điều chỉnh ngành, lĩnh vực
5	Công viên, hồ nước khu Thủy tổ quan họ Bắc Ninh, xã Hòa Long, TP Bắc Ninh		Lĩnh vực Văn hóa, thông tin	Công viên, hồ nước khu Thủy tổ quan họ Bắc Ninh, xã Hòa Long, TP Bắc Ninh		Các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực công trình đô thị (Khoản 312)	Điều chỉnh ngành, lĩnh vực



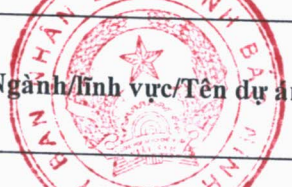
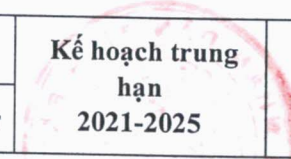
PHỤ LỤC 03: BỔ SUNG DỰ ÁN VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành/lĩnh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		
	TỔNG CỘNG	5 dự án		398.353	287.500	
I	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội			333.989	250.500	
1	Xây dựng 16 trụ sở làm việc Công an và Ban chỉ huy quân sự cấp xã	Công an tỉnh	193/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	144.000	107.000	
2	Mở rộng trại tạm giam Công an tỉnh	Công an tỉnh	194/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	149.998	111.500	
3	Xây dựng, lắp đặt hệ thống trung tâm chỉ huy, điều hành giao thông, giám sát, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông qua camera	Công an tỉnh	4626/QĐ-BCA-H01 ngày 30/6/2023	39.991	32.000	Thuộc đề án tình an toàn giao thông, đã được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết 192/NQ-HĐND
II	Các hoạt động kinh tế			35.315	14.000	
	Lĩnh vực Công nghiệp			17.657	14.000	
4	Dự án lập bản đồ, cắm mốc hướng tuyến đường dây và vị trí trạm biến áp 110kV trở lên theo điều chỉnh bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035	Sở Công thương	256/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	17.657	14.000	
III	Cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan nhà nước			29.049	23.000	
5	ĐT XD Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Công Thương và xây dựng khối nhà kỹ thuật cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp để phục vụ phát triển công nghiệp hỗ trợ	Sở Công thương	239/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	29.049	23.000	



STT	Ngành/linh vực/Tên dự án	Chủ đầu tư	QĐ phê duyệt CTĐT		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		

Ghi chú: Hạn mức vốn trung hạn còn thiếu so với tổng mức đầu tư dự án được bố trí từ nguồn dự phòng trung hạn hoặc điều chỉnh từ các dự án nhiệm vụ chi khác không có khả năng triển khai, đảm bảo đáp ứng tiến độ đầu tư dự án